

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TPHCM**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1**
- Mã chứng khoán: **TV1**
- Trụ sở chính: Km 9 + 200, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22.148.374; 22.148.365 Fax: (84.4) 35.520.670
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tụ Minh
- Chức vụ: Chuyên viên
- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1, Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22.148.368
- Fax: (84.4) 35.520.670
- Loại công bố thông tin: **Định kỳ**

Nội dung thông tin công bố: (1) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 và (2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2018 tại đường dẫn <http://www.pecc1.com.vn> của công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, P3.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Nguyễn Tụ Minh**

*Tài liệu gửi kèm: BCTC đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

---

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2018



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

---

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 40



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Nguyên Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Lê Minh Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Nguyễn Tài Sơn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Phạm Việt Hùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Lê Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Nguyễn Hữu Chinh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Trần Thái Hải	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Phạm Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Nguyễn Tài Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Ông Đặng Hoàng Cầm	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 10/01/2018)
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 10/01/2018)

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Phạm Nguyên Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 260-18/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/03/2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá đầy đủ khả năng thu hồi của một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá trị là 100.724.465.738 đồng để xem xét trích lập dự phòng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi đối với số dư công nợ nêu trên cũng như không thực hiện được thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu nêu trên hay không.

Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2017 với giá trị là 407.929.325.481 đồng (tại ngày 1/1/2017: 473.363.982.828 đồng). Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2017 của Công ty.

Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 do Công ty làm chủ đầu tư đã đi vào hoạt động từ năm 2012, tuy nhiên Công ty tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào công trình cho đến năm 2015. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng để tính toán và ước tính số lãi vay đã được vốn hóa trong giai đoạn sau khi nhà máy thủy điện Sông Bung 5 đi vào hoạt động đến năm 2015 nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*(tiếp theo)*

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính *đính kèm*.

**Vấn đề khác**

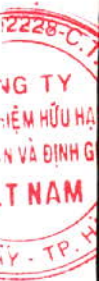
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo phát hành ngày 20/3/2017 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Phạm Thanh Ngọc**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Lê Thị Hương Lan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>768.144.400.494</b>	<b>829.888.743.527</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>31.250.504.643</b>	<b>22.623.094.466</b>
1 Tiền	111	V.01	31.250.504.643	22.623.094.466
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>326.276.246.898</b>	<b>332.797.743.853</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	283.391.607.227	281.568.062.062
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	49.417.732.394	24.910.468.151
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	26.812.243.345	26.319.213.640
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.345.336.068)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>408.965.061.684</b>	<b>474.401.441.448</b>
1 Hàng tồn kho	141		408.965.061.684	474.401.441.448
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.652.587.269</b>	<b>66.463.760</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	33.375.260	66.463.760
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14	1.619.212.009	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>922.577.252.214</b>	<b>967.487.074.763</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>852.706.783</b>	<b>58.477.408.047</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	28.785.439.395
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	852.706.783	29.691.968.652
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>877.919.019.213</b>	<b>870.760.364.116</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	856.045.696.322	848.190.150.722
- Nguyên giá	222		1.141.565.396.646	1.087.469.231.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.519.700.324)	(239.279.081.046)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	21.873.322.891	22.570.213.394
- Nguyên giá	228		37.029.002.268	35.662.170.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.155.679.377)	(13.091.957.174)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>6.804.408.588</b>	<b>2.165.996.978</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.804.408.588	2.165.996.978
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		34.549.000.000	34.549.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.452.117.630</b>	<b>1.534.305.622</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.452.117.630	1.534.305.622
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.690.721.652.708</b>	<b>1.797.375.818.290</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.358.348.471.199</b>	<b>1.475.525.736.867</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>750.438.625.107</b>	<b>803.838.223.039</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	93.949.022.235	38.921.966.185
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	76.572.666.145	74.299.438.099
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.824.129.773	51.540.770.194
4 Phải trả người lao động	314		61.245.172.148	74.766.378.965
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.960.183.503	1.321.358.038
6 Phải trả nội bộ	316	V.15	47.563.327.061	47.563.327.061
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	22.543.765.874	25.210.959.595
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	421.543.997.037	485.537.261.571
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.236.361.331	4.676.763.331
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>607.909.846.092</b>	<b>671.687.513.828</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331	V.11	35.843.042.336	76.715.957.282
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.12	13.607.360.000	20.727.112.790
3 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	558.459.443.756	574.244.443.756
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>332.373.181.509</b>	<b>321.850.081.423</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>324.867.891.509</b>	<b>321.850.081.423</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		17.698.806.154	17.698.806.154
3 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.755.895.355	36.738.085.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.738.085.269	208.264.019
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.017.810.086	36.529.821.250
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>7.505.290.000</b>	-
1 Nguồn kinh phí	432	V.19	7.505.290.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.690.721.652.708</b>	<b>1.797.375.818.290</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương

Kế toán trưởng



Dương Anh Tuấn

Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	661.955.080.973	536.178.848.098
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10		<b>661.955.080.973</b>	<b>536.178.848.098</b>
4 Giá vốn hàng bán		VI.2	481.528.234.569	347.169.265.753
5 <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)</b>	20		<b>180.426.846.404</b>	<b>189.009.582.345</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.378.101.370	4.534.475.911
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	91.553.204.304	109.743.380.458
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.418.808.184	109.671.030.137
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	79.694.412.650	33.279.631.760
10 <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	30		<b>10.557.330.820</b>	<b>50.521.046.038</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.5	174.042.393	1.230.175.666
12 Chi phí khác	32	VI.6	6.359.162.567	6.365.447.433
13 <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>(6.185.120.174)</b>	<b>(5.135.271.767)</b>
14 <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)</b>	50		<b>4.372.210.646</b>	<b>45.385.774.271</b>
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.354.400.560	8.855.953.021
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	60		<b>3.017.810.086</b>	<b>36.529.821.250</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Hương

Dương Anh Tuấn

Phạm Nguyên Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.372.210.646	45.385.774.271
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		52.209.251.829	51.960.601.139
- Các khoản dự phòng	03		33.345.336.068	(2.060.554.786)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(36.024.587)	(47.653.435)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.297.229.042)	(4.482.802.153)
- Chi phí lãi vay	06		91.418.808.184	109.671.030.137
- Khoản điều chỉnh khác				-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		180.012.353.098	200.426.395.173
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.767.287.225	11.908.000.902
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		65.436.379.764	(54.410.873.002)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(30.640.447.012)	90.292.551.061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(884.723.508)	4.521.220.946
- Tiền lãi vay đã trả	14		(85.427.146.641)	(102.380.626.129)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.680.666.750)	(8.647.657.378)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.575.290.000	453.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.503.602.000)	(726.762.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		153.654.724.176	141.435.749.573
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(65.356.426.556)	(4.584.899.163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		30.181.818	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.282.989	57.802.226
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(65.286.961.749)	(4.527.096.937)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		259.079.997.877	318.924.157.732
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(338.858.262.411)	(440.609.806.545)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.867.395.555)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(79.778.264.534)	(133.553.044.368)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		8.589.497.893	3.355.608.268
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		22.623.094.466	19.274.995.809
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		37.912.284	(7.509.611)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	V.01	31.250.504.643	22.623.094.466

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mai Hương

Dương Anh Tuấn

Phạm Nguyễn Hùng

328-G  
; TY  
HỮU H  
; ĐỊNH G  
NAM  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1, tên viết tắt là PECC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 số 0100100953 ngày 29/06/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là **266.913.190.000 VND** (Hai trăm sáu mươi sáu tỷ, chín trăm mười ba triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TV1.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng các công trình điện năng, sản xuất điện.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh chính:

- Thiết kế thủy văn công trình thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy điện;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ đo lường điều khiển công trình nhà máy nhiệt điện;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ nhiệt nhà máy nhiệt điện;
- Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ điện nhà máy nhiệt điện;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình nhiệt điện;
- Giám sát công trình thủy điện lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát công trình thủy điện lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí;
- Giám sát công trình đường dây và trạm biến áp 500kv lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin gió, cấp nhiệt, điều hoà không khí;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình nhà máy thủy điện;
- Lập thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (các bước thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các bước thiết kế khác theo thông lệ quốc tế) đối với các công trình./.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 9 + 200 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Km 2 đường Phùng Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	Số 8/2, đường Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Số 503 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Số 599, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế	100%	100%	100%

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Các chính sách kế toán chủ yếu****1. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi phát sinh giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.

**3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2005/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Nợ phải thu có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
TSCĐ hữu hình khác	03 - 10

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và chi phí giải phóng mặt bằng cho dự án Sông Bung 5. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm: quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và chi phí giải phóng mặt bằng cho dự án Sông Bung 5.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn Công ty không trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thi công dự án Thủy điện Sông Bung 5 được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí mua bảo hiểm và các khoản phí và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Chi phí mua bảo hiểm và các khoản phí và các khoản chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí công trình và các khoản chi phí khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12228-  
 NG TY  
 HIỆM HỮU  
 AN VÀ ĐIN  
 T NA  
 4Y - T

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện, doanh thu cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế công trình thủy điện, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****17.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 0% cho các dịch vụ xuất khẩu và 10% cho các mặt hàng và dịch vụ khác.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>1.335.496.867</b>	<b>1.635.217.581</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>29.915.007.776</b>	<b>20.987.876.885</b>
VND	25.471.277.393	20.599.128.790
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	-	415.821.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	21.396.770
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	1.402.466.005	6.079.008.062
Kho bạc Nhà nước - Quận Thanh Xuân	1.399.540.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	1.758.782.957	3.882.953.955
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (ký quỹ)	33.728.876	244.534.351
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.010.074.108	487.588.930
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	632.300.965	1.056.387.714
Ngân hàng TNHH Indovina	-	255.277.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - PGD Sao Việt	-	25.799.604
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	19.234.384.482	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - PGD 299 Cầu Giấy	-	8.130.361.333
USD	4.443.730.383	388.748.095
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	51.505.786
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	953.465.915	39.453.087
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	3.490.264.468	297.789.222
<b>Cộng</b>	<b>31.250.504.643</b>	<b>22.623.094.466</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2017			01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH MTV Khảo sát và Thiết kế xây dựng điện 1 (i)	17.102.000.000	17.102.000.000	-	17.102.000.000	17.102.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2 (ii)	4.870.000.000	4.870.000.000	-	4.870.000.000	4.870.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng (iii)	6.517.000.000	6.517.000.000	-	6.517.000.000	6.517.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 (iv)	6.060.000.000	6.060.000.000	-	6.060.000.000	6.060.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>-</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>34.549.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104005901 ngày 01/4/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 là 17.102.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 17.102.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ (số đầu năm là 17.102.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng giá gốc do không có khoản dự phòng tổn thất đầu tư được trích lập.

(ii) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100953-004 ngày 25/02/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2 là 4.870.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.870.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ (số đầu năm là 4.870.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng giá gốc do không có khoản dự phòng tổn thất đầu tư được trích lập.

(iii) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0401429815 ngày 21/6/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 là 6.517.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 6.517.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ (số đầu năm là 6.517.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng giá gốc do không có khoản dự phòng tổn thất đầu tư được trích lập.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(iv) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104005649 ngày 11/3/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 6.060.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 6.060.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ (số đầu năm là 6.060.000.000 VND, tương đương 100 % vốn điều lệ). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng giá gốc do không có khoản dự phòng tổn thất đầu tư được trích lập.

- Lĩnh vực hoạt động: Các công ty con hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, tư vấn, thiết kế và xây dựng các công trình điện

- Tình hình hoạt động trong kỳ của các công ty con: các công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường

- Trong năm, ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư các Công ty còn có các giao dịch mua hàng, bán hàng phát sinh.

**3. Phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>283.391.607.227</b>	<b>33.345.336.068</b>	<b>281.568.062.062</b>	-
Công ty Mua bán điện	29.102.767.184	-	31.907.357.272	-
Công ty CP EVN Quốc tế	27.148.446.972	27.145.750.522	30.049.970.972	-
Các đối tượng khác	227.140.393.071	6.199.585.546	219.610.733.818	-
b) <b>Dài hạn</b>	-	-	<b>28.785.439.395</b>	-
Công ty CP Bitexco Nho Quế	-	-	7.213.191.270	-
Công ty TNHH Xuân Thiện - Ninh Bình	-	-	4.805.511.731	-
Các đối tượng khác	-	-	16.766.736.394	-
<b>Cộng</b>	<b>283.391.607.227</b>	<b>33.345.336.068</b>	<b>310.353.501.457</b>	-

c) **Phải thu khác hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

(\*) Khoản phải thu bình quân của Công ty tại mọi thời điểm có giá trị thẩm định là 245 tỷ đồng được cầm cố thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 15/2015/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 11/06/2017 ký với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>49.417.732.394</b>	<b>24.910.468.151</b>
Tư vấn Fichner	6.506.940.742	5.992.374.500
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	10.381.527.536	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	3.295.835.455	2.679.302.463
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	-	2.752.639.050
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	2.496.952.909	2.496.952.909
Công ty Cổ phần VINTEG	2.760.000.000	-
Công ty TNHH Tài Lương	6.105.750.000	-
Các đối tượng khác	17.870.725.752	10.989.199.229

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) <b>Dài hạn</b>	<b>852.706.783</b>	<b>29.691.968.652</b>
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	-	3.217.884.081
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	-	7.247.824.465
Tư vấn Fichner	-	7.478.833.166
Các đối tượng khác	852.706.783	11.747.426.940
<b>Cộng</b>	<b>50.270.439.177</b>	<b>54.602.436.803</b>

c) *Trà trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Các khoản phải thu khác	2.449.296.531	-	1.953.199.942	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	842.654.831	-
Các đối tượng khác	2.449.296.531	-	1.110.545.111	-
Tạm ứng	24.362.946.814	-	24.366.013.698	-
Đặng Thị Hạnh	1.045.250.700	-	1.073.545.500	-
Nguyễn Hữu Chinh	1.186.237.900	-	398.903.900	-
Các đối tượng khác	22.131.458.214	-	22.893.564.298	-
<b>Cộng</b>	<b>26.812.243.345</b>	-	<b>26.319.213.640</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.035.736.203	-	1.037.458.620	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	407.929.325.481	-	473.363.982.828	-
<b>Cộng</b>	<b>408.965.061.684</b>	-	<b>474.401.441.448</b>	-

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>33.375.260</b>	<b>66.463.760</b>
Chi phí quản lý treo lại	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.375.260	66.463.760
b) <b>Dài hạn</b>	<b>2.452.117.630</b>	<b>1.534.305.622</b>
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.129.959.265	1.270.508.387
Chi phí mua bảo hiểm và các khoản phí	1.382.334	90.792.376
Chi phí thuê kênh truyền dẫn	320.776.031	173.004.859
<b>Cộng</b>	<b>2.485.492.890</b>	<b>1.600.769.382</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2017	457.919.526.459	548.285.146.498	73.116.577.030	7.974.234.781	173.747.000	1.087.469.231.768
Mua trong năm	-	309.090.910	-	1.169.988.090	125.300.000	1.604.379.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	54.090.832.515	212.413.995	16.426.687	-	3.427.131.049	57.746.804.246
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.194.966.397)	(2.367.709.650)	(266.031.592)	(39.088.000)	(3.867.795.639)
Giảm khác (*)	(126.784.556)	(151.453.070)	(11.712.374)	-	-	(289.950.000)
Giảm khác (**)	-	(1.097.272.729)	-	-	-	(1.097.272.729)
<b>Số dư ngày 31/12/2017</b>	<b>511.883.574.418</b>	<b>546.362.959.207</b>	<b>70.753.581.693</b>	<b>8.878.191.279</b>	<b>3.687.090.049</b>	<b>1.141.565.396.646</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2017	91.198.479.608	103.641.689.795	37.852.877.361	6.460.424.975	125.609.307	239.279.081.046
Khấu hao trong năm	15.978.399.272	27.476.479.094	5.798.054.073	776.055.054	116.542.133	50.145.529.626
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.121.402.938)	(2.367.709.650)	(266.031.592)	(39.088.000)	(3.794.232.180)
Giảm khác (*)	(2.466.714)	(4.588.219)	(962.660)	-	-	(8.017.593)
Giảm khác (**)	-	(102.660.575)	-	-	-	(102.660.575)
<b>Số dư ngày 31/12/2017</b>	<b>107.174.412.166</b>	<b>129.889.517.157</b>	<b>41.282.259.124</b>	<b>6.970.448.437</b>	<b>203.063.440</b>	<b>285.519.700.324</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	366.721.046.851	444.643.456.703	35.263.699.669	1.513.809.806	48.137.693	848.190.150.722
Tại ngày 31/12/2017	404.709.162.252	416.473.442.050	29.471.322.569	1.907.742.842	3.484.026.609	856.045.696.322

(\*) Giảm các chi phí không đủ điều kiện vốn hóa thành tài sản cố định.

(\*\*) Giảm do tài sản mua vào công trình thi công của chủ đầu tư nhưng công ty lại hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.074.928.924 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 825.719.471.572 VND.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	22.704.824.873	12.957.345.695	35.662.170.568
Mua trong năm	-	1.366.831.700	1.366.831.700
Số dư ngày 31/12/2017	22.704.824.873	14.324.177.395	37.029.002.268
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	3.031.509.964	10.060.447.210	13.091.957.174
Khấu hao trong năm	406.333.524	1.657.388.679	2.063.722.203
Số dư ngày 31/12/2017	3.437.843.488	11.717.835.889	15.155.679.377
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày 01/01/2017	19.673.314.909	2.896.898.485	22.570.213.394
- Tại ngày 31/12/2017	19.266.981.385	2.606.341.506	21.873.322.891

- Nguyên giá Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 9.456.845.695 đồng.

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

31/12/2017

01/01/2017

VND VND

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

6.804.408.588 2.165.996.978

Cộng

**6.804.408.588 2.165.996.978****11. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

31/12/2017

01/01/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>93.949.022.235</b>	<b>93.949.022.235</b>	<b>38.921.966.185</b>	<b>38.921.966.185</b>
Công ty CP Xây dựng 47	43.731.080.342	43.731.080.342	-	-
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	15.573.087.813	15.573.087.813	4.442.307.684	4.442.307.684
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	-	-	4.111.804.026	4.111.804.026
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	12.528.955.576	12.528.955.576	-	-
Fichtner Vietnam Company Limited	-	-	5.274.563.112	5.274.563.112
Các đối tượng khác	22.115.898.504	22.115.898.504	25.093.291.363	25.093.291.363
<b>b) Dài hạn</b>	<b>35.843.042.336</b>	<b>35.843.042.336</b>	<b>76.715.957.282</b>	<b>76.715.957.282</b>
Công ty CP Xây dựng 47	-	-	33.216.137.676	33.216.137.676
Công ty TNHH Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	-	-	11.505.895.285	11.505.895.285

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	-	-	11.289.388.722	11.289.388.722
Fichtner Vietnam Company Limited	3.881.351.920	3.881.351.920	-	-
COB	5.506.172.144	5.506.172.144	-	-
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nhật Việt	5.090.179.072	5.090.179.072	-	-
Tư vấn Trung Quốc (MSDI)	-	-	3.398.956.077	3.398.956.077
Các đối tượng khác	21.365.339.200	21.365.339.200	17.305.579.522	17.305.579.522
<b>Cộng</b>	<b>129.792.064.571</b>	<b>129.792.064.571</b>	<b>115.637.923.467</b>	<b>115.637.923.467</b>

c) *Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>76.572.666.145</b>	<b>74.299.438.099</b>
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	903.925.000	4.319.459.162
Công ty TNHH Hà Thành	7.542.730.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Thủy điện Nậm Mô	2.000.000.000	1.500.000.000
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	12.464.233.323	14.444.284.289
Các đối tượng khác	44.127.777.822	51.035.694.648
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.607.360.000</b>	<b>20.727.112.790</b>
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	6.834.960.000	7.680.000.000
Công ty TNHH Hà Thành	-	4.142.730.000
Ban Quản lý dự án Điện lực dầu khí Long Phú I	1.825.000.000	1.825.000.000
Công ty TNHH Thủy điện Nậm Mô	3.547.400.000	3.547.400.000
Các đối tượng khác	1.400.000.000	3.531.982.790
<b>Cộng</b>	<b>90.180.026.145</b>	<b>95.026.550.889</b>

c) *Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	29.098.000.961	46.971.949.652	63.660.655.408	12.409.295.205
Thuế TNDN (*)	8.513.145.868	1.548.308.873	10.061.454.741	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.468.128.704	2.162.922.356	4.048.910.850	2.582.140.210
Thuế tài nguyên	6.483.894.891	20.401.461.144	24.650.771.308	2.234.584.727
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.733.658.447	1.733.658.447	-
Các loại thuế khác	1.019.397.603	195.488.026	438.701.386	776.184.243
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải khác	1.958.202.167	8.534.598.723	8.670.875.502	1.821.925.388
<b>Cộng</b>	<b>51.540.770.194</b>	<b>81.548.387.221</b>	<b>113.265.027.642</b>	<b>19.824.129.773</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***b) Phải thu**

Thuế TNDN	-	-	1.619.212.009	1.619.212.009
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.619.212.009</b>	<b>1.619.212.009</b>

(\*) Thuế TNDN phải nộp trong kỳ bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và khoản truy thu thuế TNDN năm 2016 theo BB kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/10/2017 với giá trị 193.908.313 đồng.

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí các công trình	3.903.602.943	1.223.946.038
Thủy điện Nậm Cùm	-	941.946.038
Nhiệt điện Móng Dương	-	200.000.000
Thủy điện Bàn vẽ	405.672.727	-
Thủy điện Sông Tranh	607.090.909	-
Đường dây 220 kv Nghĩa Lộ	677.884.964	-
Thủy điện Đại Ninh	361.319.879	-
Thủy điện Xekaman 4	1.851.634.464	-
Thù lao Hội đồng quản trị	-	82.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	56.580.560	97.412.000
<b>Cộng</b>	<b>3.960.183.503</b>	<b>1.321.358.038</b>

**15. Phải trả nội bộ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	47.563.327.061	47.563.327.061
<b>Cộng</b>	<b>47.563.327.061</b>	<b>47.563.327.061</b>

**16. Phải trả khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	513.407.728	441.534.330
Bảo hiểm xã hội	1.110.869.295	5.063.219
Bảo hiểm thất nghiệp	843.021.010	237.056.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.076.467.841	24.527.305.811
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.623.396.542	4.215.404.530
Khoản phải trả, phải nộp khác (*)	17.453.071.299	20.311.901.281
<b>Cộng</b>	<b>22.543.765.874</b>	<b>25.210.959.595</b>

(\*) Là khoản phải trả cán bộ công nhân viên đã hoàn chứng từ thanh toán về Công ty, nhưng chưa được thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Số phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>421.543.997.037</b>	<b>421.543.997.037</b>	<b>224.879.997.877</b>	<b>288.873.262.411</b>	<b>485.537.261.571</b>	<b>485.537.261.571</b>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>74.928.131.726</i>	<i>74.928.131.726</i>	<i>94.729.280.862</i>	<i>189.048.063.698</i>	<i>169.246.914.562</i>	<i>169.246.914.562</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	-	-	-	18.494.434.713	18.494.434.713	18.494.434.713
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (1)	14.710.000.000	14.710.000.000	16.270.000.000	50.661.879.140	49.101.879.140	49.101.879.140
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	36.300.000.000	36.300.000.000	49.300.000.000	75.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	-	-	-	13.832.471.102	13.832.471.102	13.832.471.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Thanh Xuân	-	-	-	25.818.129.607	25.818.129.607	25.818.129.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (3)	23.918.131.726	23.918.131.726	29.159.280.862	5.241.149.136	-	-
<i>Vay cá nhân (6)</i>	<i>296.630.865.311</i>	<i>296.630.865.311</i>	<i>80.165.717.015</i>	<i>59.435.198.713</i>	<i>275.900.347.009</i>	<i>275.900.347.009</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>49.985.000.000</i>	<i>49.985.000.000</i>	<i>49.985.000.000</i>	<i>40.390.000.000</i>	<i>40.390.000.000</i>	<i>40.390.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (4)	48.880.000.000	48.880.000.000	48.880.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (5)	1.105.000.000	1.105.000.000	1.105.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>558.459.443.756</b>	<b>558.459.443.756</b>	<b>34.200.000.000</b>	<b>49.985.000.000</b>	<b>574.244.443.756</b>	<b>574.244.443.756</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (4)	558.459.443.756	558.459.443.756	34.200.000.000	48.880.000.000	573.139.443.756	573.139.443.756
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (5)	-	-	-	1.105.000.000	1.105.000.000	1.105.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>980.003.440.793</b>	<b>980.003.440.793</b>	<b>259.079.997.877</b>	<b>338.858.262.411</b>	<b>1.059.781.705.327</b>	<b>1.059.781.705.327</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 57332.16.053.1268888. TD ngày 26/09/2016 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động tư vấn, thiết kế, giám sát năm 2016-2017. Hạn mức tín dụng 110.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/08/2017. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ với ngân hàng. Tài sản đảm bảo đề bảo đảm là quyền đòi nợ hoặc khoản phía thu hành thành từ các phương án MB tài trợ.

(2) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng hạn mức tín dụng số 15/2015/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 11/06/2015 được ký kết giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) với mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Và Thông báo số 85B/TB-TCĐL ngày 25/04/2017 về việc cấp hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng (bao gồm cả dư nợ của hợp đồng hạn mức tín dụng số 15/2015/HĐTD-HM-DN/TCĐL ngày 11/06/2015. Thời hạn của hạn mức 01 năm kể từ ngày ký. Lãi suất cho vay theo quy định từng thời kỳ của EVNFinance. Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, căn cứ vào khả năng thu hồi vốn, vòng quay vốn lưu động và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ các khoản phải thu bình quân của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 tại mọi thời điểm có giá trị thẩm định là 245 tỷ đồng. Tài sản đã thực hiện đầy đủ thủ tục ký hợp đồng thế chấp và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 56/2011/HĐTC-TCĐL ngày 28/08/2011.

(3) Khoản vay ngắn hạn thuộc hợp đồng cấp tín dụng số 01/2017/134658/HĐTDHM ngày 18/05/2017 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động tư vấn, thiết kế, giám sát năm 2016-2017. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/04/2018. Thời hạn cho vay và lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Kèm theo Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/134658/HĐBL ngày 18/05/2017.

(4) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long với mục đích đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Hạn mức tín dụng là 900.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng thời kỳ. Ngân hàng sẽ xác định số dư nợ gốc cụ thể phải thanh toán vào mỗi ngày thanh toán gốc và sẽ thông báo cho Công ty về việc xác định nghĩa vụ trả nợ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(5) Toàn bộ số dư khoản vay dài hạn thuộc hợp đồng tín dụng số 104-14.09.15/HĐTD/TPBANK.THN ngày 14/09/2015 được ký kết giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội với mục đích thanh toán bù đắp tiền mua 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser VX theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 150905/HĐMB giữa Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 và Công ty Toyota Thăng Long. Số tiền 1.950.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất theo chấp thuận của Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Tây Hà Nội. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu Land Cruiser VX biển kiểm soát 30A-834.12. Trong đó: số đến hạn trả đến 31/12/2017 là 1.105.000.000 đồng.

(6) Là các khoản vay ngắn hạn với cán bộ công nhân viên trong Công ty, có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận.

**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	
Số dư ngày 01/01/2016	266.913.190.000	30.484.233.417	297.397.423.417	
Lãi trong năm	-	36.529.821.250	36.529.821.250	
Chia cổ tức	-	(28.025.884.950)	(28.025.884.950)	
Phân phối các quỹ	-	(2.250.084.448)	(2.250.084.448)	
Số dư ngày 01/01/2017	266.913.190.000	36.738.085.269	303.651.275.269	
Lãi trong năm	-	3.017.810.086	3.017.810.086	
Số dư ngày 31/12/2017	266.913.190.000	39.755.895.355	306.669.085.355	

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	145.042.270.000	145.042.270.000
Các cổ đông khác	121.870.920.000	121.870.920.000
<b>Cộng</b>	<b>266.913.190.000</b>	<b>266.913.190.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	266.913.190.000	266.913.190.000
Vốn góp đầu năm	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	266.913.190.000	266.913.190.000
Vốn góp cuối năm	-	28.025.884.950
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	28.025.884.950

**d) Cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	26.691.319	26.691.319
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.691.319	26.691.319
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.691.319	26.691.319
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng****e) Các quỹ của doanh nghiệp**

<b>Khoản mục</b>	<b>01/01/2017</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>31/12/2017</b>
Quỹ đầu tư phát triển	17.698.806.154	-	-	17.698.806.154
Quỹ khác thuộc vốn CSH	500.000.000	-	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.198.806.154</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.198.806.154</b>

**\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty. Mức thưởng do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty

**19. Nguồn kinh phí và quỹ khác**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.505.290.000	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	7.505.290.000	-

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
USD	195.446,68	17.145,48
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	195.446,68	17.145,48

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán điện	255.318.617.833	173.691.307.246

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu khảo sát thiết kế công trình điện	372.277.331.355	342.426.431.986
Doanh thu khác	34.359.131.785	20.061.108.866
<b>Cộng</b>	<b>661.955.080.973</b>	<b>536.178.848.098</b>

b) *Doanh thu đối với các bên liên quan: Trình bày chi tiết tại thuyết minh số VIII.2***2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn sản xuất điện	89.428.426.923	78.793.312.436
Giá vốn khảo sát thiết kế công trình điện	357.744.494.043	248.316.526.269
Giá vốn khác	34.355.313.603	20.059.427.048
<b>Cộng</b>	<b>481.528.234.569</b>	<b>347.169.265.753</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.282.989	57.802.226
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.466.100	4.020.323
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	36.024.587	47.653.435
Lợi nhuận từ các Công ty con	1.301.327.694	4.424.999.927
<b>Cộng</b>	<b>1.378.101.370</b>	<b>4.534.475.911</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	91.418.808.184	109.671.030.137
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	134.396.120	72.350.321
<b>Cộng</b>	<b>91.553.204.304</b>	<b>109.743.380.458</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản thu nhập khác	174.042.393	1.230.175.666
<b>Cộng</b>	<b>174.042.393</b>	<b>1.230.175.666</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt vi phạm hợp đồng	394.709.900	1.682.176.720
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	3.333.601.557	4.557.074.109
Thanh lý TSCĐ	43.381.641	-
Các khoản chi phí khác	2.587.469.469	126.196.604
<b>Cộng</b>	<b>6.359.162.567</b>	<b>6.365.447.433</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	25.188.350.832	19.084.114.212
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.348.337.219	1.299.691.808
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	442.670.071	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.295.086	386.434.813
Thuế, phí, lệ phí	1.995.827.803	1.801.082.547
Chi phí dự phòng	33.345.336.068	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.357.866.519	6.422.674.552
Chi phí bằng tiền khác	10.013.157.248	3.941.662.072
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.625.571.804	343.971.756
<b>Cộng</b>	<b>79.694.412.650</b>	<b>33.279.631.760</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.309.510.233	33.908.186.208
Chi phí nhân công	135.527.463.404	123.847.010.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.209.251.829	51.960.601.139
Chi phí dự phòng	33.345.336.068	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.298.239.835	21.747.282.994
Chi phí bằng tiền khác	163.208.866.671	202.281.074.620
<b>Cộng</b>	<b>495.898.668.040</b>	<b>433.744.155.287</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	663.507.224.736	541.943.499.675
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	662.192.245.110	536.024.727.426
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	1.314.979.626	5.918.772.249
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	659.135.014.090	496.557.725.404
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	655.576.145.065	491.744.962.321
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	3.558.869.025	4.812.763.083
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.616.100.045	44.279.765.105
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.323.220.009	8.855.953.021
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	31.180.551	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.354.400.560	8.855.953.021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2017	
	VND	
Thu lợi nhuận từ các Công ty con bằng bù trừ công nợ		1.301.327.694
Lãi vay nhập gốc		728.092.465
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	259.079.997.877	318.924.157.732
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	338.858.262.411	440.609.806.545

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Ban Điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang  
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc  
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung  
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam  
- Tổng Công ty Truyền tải Điện lực Miền Nam  
Ban Quản lý dự án Điện nông thôn miền Trung  
Ban Quản lý dự án Lưới điện - Công ty điện lực 1

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Cùng tập đoàn EVN  
Cùng tập đoàn EVN  
Cùng tập đoàn EVN  
Cùng tập đoàn EVN  
Cùng tập đoàn EVN  
Cùng tập đoàn EVN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Ban Quản lý dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hải Phòng	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực Hà nội	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện 3	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện 6	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện sông Bung 2	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn EVN
Ban Quản lý trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP EVN Quốc tế	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Phát triển điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Thủy điện miền Nam	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Xây lắp điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Điện lực Thạch Thất	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn EVN
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	Cùng tập đoàn EVN
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty phát điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện An Khê-Kanak	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Bàn Vẽ	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Hòa Bình	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sông Tranh	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Cùng tập đoàn EVN
Công ty Truyền tải điện 1	Cùng tập đoàn EVN
Điện lực Cao Bằng	Cùng tập đoàn EVN
Điện lực Hà Giang	Cùng tập đoàn EVN
Nhà máy Thủy điện Ialy	Cùng tập đoàn EVN
Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia	Cùng tập đoàn EVN
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	Công ty con
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	Công ty con

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan*

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Bán hàng</b>	<b>542.122.442.747</b>	<b>440.326.893.031</b>
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc	53.747.529.757	54.829.497.787
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung	42.626.423.317	20.500.357.332
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam -TCT Truyền tải Điện lực Miền Nam	(16.793.850)	147.229.799
Ban Quản lý dự án Lưới điện - Công ty điện lực 1	-	(14.103.563)
Ban Quản lý dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội	29.769.052	254.949.276
Ban Quản lý dự án Lưới điện Miền Trung	556.895.498	-
Ban Quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	6.010.480.948	1.672.483.971
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1	3.577.937.598	5.374.769.866
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	8.987.685.951	1.832.288.910
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	508.202.257	-
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực Hà nội	-	(15.619.742)
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	23.734.398.125	25.468.973.430
Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	23.479.070.934	19.165.254.202
Ban Quản lý dự án Thủy điện 3	129.303.102	-
Ban Quản lý dự án thủy điện 6	-	814.666.858
Ban Quản lý dự án Thủy điện 7	-	(271.505.760)
Ban Quản lý dự án Thủy điện sông Bung 2	2.510.587.273	6.801.120.000
Ban Quản lý dự án Thủy điện sông Bung 4	-	3.921.490.481
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	43.452.998.553	29.846.634.228
Ban Quản lý Thủy điện 5	285.537.000	-
Công ty CP Điện nhiệt điện Quảng Ninh	-	12.641.679.820
Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	412.772.825	1.279.686.590
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2	-	14.556.202.779
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	-	1.374.369.241
Công ty CP Thủy điện miền Nam	1.933.115.959	-
Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ	3.973.387.600	3.598.373.031
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	16.073.379.745	23.328.732.045
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	962.208.953	-
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	850.181.556	325.543.150
Công ty CP Thủy điện Trung Thu	732.238.727	-
Công ty Mua bán điện	255.318.617.833	173.691.307.244
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	32.786.056	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	-	(74.989.539)
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa	367.658.182	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	3.668.741.111	426.798.534
Công ty Thủy điện An Khê - Kanak	504.404.488	140.430.029

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Thủy điện Bản Vẽ	3.459.246.364	2.700.426.659
Công ty Thủy điện Hoà Bình	80.727.273	1.197.775.994
Công ty Thủy điện Sông Bung	3.788.683.181	1.315.278.028
Công ty thủy điện Sông Tranh	-	722.283.420
Công ty Thủy điện Sơn La	37.166.454.527	19.992.083.473
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	77.577.338	1.666.920.945
Công ty Truyền tải điện 1	1.898.403.269	5.556.290.381
Công ty Truyền tải điện 2	376.767.400	-
Điện lực Hà Giang	-	90.157.660
Nhà máy Thủy điện Ialy	-	4.701.326.692
Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội	262.032.167	-
Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia	563.032.678	-
<b>Mua hàng</b>	<b>34.211.489.684</b>	<b>39.429.756.975</b>
Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung	-	371.959.650
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	13.971.926.285	16.916.544.600
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	4.757.282.524	8.639.045.410
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	10.359.149.431	886.154.902
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	5.123.131.444	12.616.052.413

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu của khách hàng</b>	<b>136.830.958.262</b>	<b>139.804.171.243</b>
Công ty Mua bán điện	29.102.767.184	31.907.357.272
Công ty CP EVN Quốc tế	27.148.446.972	30.049.970.972
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	12.191.284.357	22.110.129.499
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc	16.277.121.626	12.285.663.232
Công ty Thủy điện Sơn La	9.818.003.939	-
Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội	288.235.384	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	201.780.761	-
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	112.906.092	112.906.092
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	93.519.971	2.019.775.205
Công ty Thủy điện Hòa Bình	88.800.000	168.640.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 2	4.439.766.968	4.441.151.721
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	3.671.749.861	3.996.237.616
Công ty Truyền tải điện 1	2.497.243.751	3.417.811.845
Công ty Truyền tải điện 2	311.900.570	-
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung	3.626.771.228	3.027.577.938
Công ty CP Điện nhiệt điện Quảng Ninh	584.240.608	2.805.276.243
Công ty CP Phát triển điện lực Việt Nam	2.282.862.789	2.282.862.789
Ban Quản lý dự án Thủy điện 3	468.657.161	1.826.489.749
Ban Quản lý dự án Nhiệt	3.034.755.887	1.760.591.544
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	1.480.738.000
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	18.328.185	1.214.288.207

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Thủy điện miền Nam	-	1.112.653.803
Công ty Thủy điện Bàn Vẽ	3.805.171.000	1.088.050.000
Ban Quản lý dự án Lưới điện Miền Trung	1.023.134.298	1.086.503.521
Ban Quản lý dự án Lưới điện - Điện lực Hà Nội	114.891.557	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4	983.545.000	983.545.000
Ban Quản lý dự án Thủy điện 6	187.759.205	955.184.103
Công ty Thủy điện Sông Tranh	-	794.511.762
Ban Quản lý dự án Điện nông thôn miền Trung	201.385.000	616.701.515
Ban Quản lý dự án lưới điện - Công ty điện lực 1	552.328.694	583.563.852
Nhà máy Thủy điện Ialy	77.971.675	491.758.310
Ban Quản lý trung tâm Điều độ HT điện miền Bắc	381.686.048	381.686.048
Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	4.007.913.905	356.495.356
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực Hà nội	41.733.236	293.603.024
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	-	291.314.789
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	1.058.429.848	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	921.038.312	-
Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ	-	241.175.000
Công ty CP Thủy điện Trung Thu	-	194.464.340
Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia	697.819.249	180.780.441
Công ty CP Xây lắp điện 1	698.495.490	174.070.190
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	323.219.073	145.720.845
Ban Điều hành dự án thủy điện Tuyên Quang	143.960.000	143.960.000
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam - TCT Truyền tải điện lực Miền Nam	86.137.931	119.210.000
Ban Quản lý dự án Thủy điện sông Bung 2	115.483.000	117.472.454
Công ty Điện lực Thạch Thất	4.238.182	93.240.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	70.607.623	70.607.623
Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hải Phòng	48.361.924	48.361.924
Điện lực Cao Bằng	22.957.590	22.957.590
Điện lực Nam Định	29.909.091	29.909.091
Ban QLDA Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê	155.210.582	155.210.582
Ban QLDA Điện lực dầu khí Thái Bình 2	1.297.783.620	1.297.783.620
Công ty TNHH MTV thủy điện Sapa	2.721.581.472	2.817.157.472
Điện lực Hà Giang	-	9.051.064
Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hồ Chí Minh	799.062.363	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>13.677.362.991</b>	<b>9.017.098.310</b>
Công ty TNHH MTV Khảo sát xây dựng điện 2	3.295.835.455	1.785.382.518
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4	10.381.527.536	7.231.715.792
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>28.102.043.389</b>	<b>23.713.192.909</b>
Công ty TNHH MTV Khảo sát thiết kế xây dựng điện 1	15.573.087.813	13.191.463.145
Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng điện 3 Đà Nẵng	12.528.955.576	10.521.729.764

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>36.880.871.346</b>	<b>51.395.464.442</b>
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Bắc	12.464.233.323	14.444.284.289
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	2.212.899.000	8.617.350.000
Công ty Thủy điện Sơn La	-	227.508.281
Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	-	2.944.212.755
Ban Quản lý dự án Các công trình điện miền Trung	5.875.920.410	6.767.143.740
Công ty Truyền tải điện 1	-	18.857.146
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4	1.691.117.279	1.122.997.242
Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hồ Chí Minh	-	1.254.444.538
Công ty CP Xây lắp điện 1	439.925.067	649.755.000
Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia	80.000.000	182.297.138
Ban Quản lý dự án Lưới điện - Công ty điện lực 1	690.392.976	705.160.946
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam - TCT Truyền tải điện lực Miền Nam	-	14.598.834
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	525.852.349	2.447.395.371
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	7.738.885.000	11.999.459.162
Ban Quản lý dự án Thủy điện 1	4.983.588.000	-
Công ty CP Thủy điện Trung Thu	146.943.035	-
Công ty CP Thủy điện miền Nam	31.114.907	-
<b>Phải trả nội bộ</b>	<b>47.563.327.061</b>	<b>47.563.327.061</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	47.563.327.061	47.563.327.061

**Thu nhập của thành viên chủ chốt**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	2.123.400.000	2.146.600.000
<b>Cộng</b>	<b>2.123.400.000</b>	<b>2.146.600.000</b>

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay	980.003.440.793	1.059.781.705.327

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	31.250.504.643	22.623.094.466
Nợ thuần	948.752.936.150	1.037.158.610.861
Vốn chủ sở hữu	332.373.181.509	321.850.081.423
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	2,85	3,22

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.250.504.643	22.623.094.466
Phải thu khách hàng và phải thu khác	276.858.514.504	336.672.715.097
<b>Cộng</b>	<b>308.109.019.147</b>	<b>359.295.809.563</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	980.003.440.793	1.059.781.705.327
Phải trả người bán và phải trả khác	152.335.830.445	140.848.883.062
Chi phí phải trả	3.960.183.503	1.321.358.038
<b>Cộng</b>	<b>1.136.299.454.741</b>	<b>1.201.951.946.427</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định năm nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	116.492.788.109	35.843.042.336	152.335.830.445
Chi phí phải trả	3.960.183.503		3.960.183.503
Các khoản vay	421.543.997.037	558.459.443.756	980.003.440.793
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	64.132.925.780	76.715.957.282	140.848.883.062
Chi phí phải trả	1.321.358.038	-	1.321.358.038
Các khoản vay	485.537.261.571	574.244.443.756	1.059.781.705.327

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.250.504.643	-	31.250.504.643
Phải thu khách hàng và phải thu khác	276.858.514.504	-	276.858.514.504
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.623.094.466	-	22.623.094.466
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.887.275.702	28.785.439.395	336.672.715.097

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Hương

Dương Anh Tuấn

Phạm Nguyên Hùng

